

Bản án số: 235/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 29 – 8 – 2024  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo.

Ông Châu Hải Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1959. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã N1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thu T1, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã N1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của ông Trần Văn T, thể hiện:

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thu T1 chung sống với nhau vào năm 1984 nhưng không đăng ký kết hôn, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, xảy ra cự cãi, bà T1 thường xuyên đi khỏi nhà không cho hay, xem thường và xác định ông nhu nhược dẫn đến tạo áp lực cho bản thân ông.

Ông T thừa nhận có quen người bạn gái tên Đ1 (không nhớ họ, tên đệm) từ những năm 1984; thời gian gần đây, khi đi khám bệnh tại Cà Mau về thì bà Đ1 có rủ ghé quán nhậu 54 nhưng do bị bệnh nên ông kêu cà phê uống tại quán nhậu cùng với bà Đinh. Khi về đến nhà bà T1 chửi, xúc phạm và cho rằng ông dẫn “gái”

vào nhà nghỉ; sau khoảng nửa tháng khi ông đang cầm điện thoại thì bà T1 tiếp tục chửi nên đã cầm cây sủi cỏ đập vào cây mít chứ không chủ ý đánh bà T1 và bà T1 xỉ vả ông.

Từ nguyên nhân trên, ông T xác định không thể chung sống nên yêu cầu xin ly hôn với bà T1.

Quá trình chung sống có 02 người con chung, gồm: Trần Ngân G, sinh năm 1987 và Trần Kiều G, sinh năm 1990 đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống có các khoản nợ, gồm: Bà Trần Thị Lâu 12 chỉ vàng 24k, ông Trần Việt Quân, số tiền 2.500.000 đồng, ông Trần Văn Út 14.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24k, anh Trần Hoài Mau 13.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đầm Dơi số tiền 17.000.000 đồng. Do Ngân hàng và các đương sự này không khởi kiện nên ông T không có ý kiến gì.

*\* Theo văn bản trình bày, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bà Nguyễn Thu T1, thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, con chung và nợ chung như ông T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn như ông T trình bày là không đúng, bà thừa nhận có đi để làm phước, khi đi có báo cho ông T và hoàn toàn không có việc la cà, nhậu bê tha. Trong cuộc sống giữa bà và ông T không có mâu thuẫn lớn, khi về chung sống cùng sinh con, tạo lập tài sản, gây dựng nhà cửa ổn định; tuy nhiên đôi lúc có những bất đồng nhỏ, có tranh luận qua, lại nhưng không phải là mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng để vợ, chồng chung sống với nhau hơn 40 năm mà phải ra Tòa ly hôn.

Theo bà T1, thời gian gần đây ông T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên liên hệ điện thoại, có lần dẫn vào nhà nghỉ 54 (tại khóm 1, thị trấn Đầm Dơi) và bị cháu ngoại tên Nguyễn Trúc Băng, sinh năm 2008 phát hiện báo cho mẹ Kiều Giang, sau đó Kiều Giang báo lại cho bà biết thì có đến nhưng chủ nhà nghỉ không cho vào trong kiểm tra; bà T1 liên hệ qua Zalo thì hiển thị bảng nhà nghỉ 54. Khoảng 10 ngày sau bà bị bệnh phải đi điều trị tại Bệnh viện Cái Nước khi điều trị về ông T tự ý mua đồ đặc nấu ăn riêng, sau đó làm đơn ly hôn yêu cầu ký tên nhưng bà không đồng ý thì ông T dùng cây sủi cỏ sấn vào cổ, đập lên trên vai của bà, sự việc được cháu ngoại (Nguyễn Dy Băng) ngăn cản và bà đã trình báo đến địa phương, làm tờ trình gửi đến Công an xã Ngọc Chánh, sau đó Công an xã có mời ông T làm việc thì ông T cam kết, hứa hẹn sửa chữa. Từ nguyên nhân trên, bà T1 không đồng ý ly hôn với ông T.

Tại phiên tòa, các đương sự tham gia tranh luận:

Theo ông T mối quan hệ giữa ông với bà Đ1 chỉ là mối quan hệ bạn bè thuần túy từ trước; ông cũng xác định không thể tiếp tục chung sống nên ông giữ nguyên

yêu cầu được ly hôn; trường hợp không được chấp nhận ly hôn trong vụ án này thì ông sẽ khởi kiện ly hôn trong vụ án khác.

Theo bà T1 việc ông T cho rằng bà chửi, xúc phạm, nói ông T nhu nhược là hoàn toàn không có; thời gian trước ông T có quan hệ không trong sáng với bà Đinh bị gia đình bắt gặp, thời gian gần đây tiếp tục phát hiện ông T tiếp xúc, gặp gỡ bà Đinh tại Quán 54 (khóm 1, thị trấn Đàm Dơi); việc ông T không quan tâm khi bà bị bệnh, cố tình nấu ăn riêng và đặt ra một số mâu thuẫn mục đích là để có căn cứ ly hôn với bà. Do vậy bà không đồng ý ly hôn với ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điều 85, 89 và 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T. Cho ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thu T1.

Án phí hôn nhân và gia đình đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh huyện Đàm Dơi, bà Trần Thị Lâu, ông Trần Việt Quân, ông Trần Văn Út và anh Trần Hoài Mau không khởi kiện yêu cầu độc lập nên Tòa án không triệu tập tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan khi giải quyết vụ án là phù hợp.

[2] Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thu T1 chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn; tuy nhiên, theo điểm a mục 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *“Trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý và giải quyết theo quy định về Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”*. Viện dẫn điều luật trên thì ông T, bà T1 chung sống với nhau vào năm 1984 (trước thời điểm ngày 03/01/1987), vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau và có hai con chung nên được xác định đây là hôn nhân thực tế.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T, thấy rằng:

Ông T yêu cầu xin ly hôn, ngoài lời trình bày thì ông T không đưa ra được chứng cứ xác định bà T1 xúc phạm, xem thường hay cho rằng ông T nhu nhược để

dẫn tới tình trạng hôn nhân xảy ra trầm trọng; mặt khác, theo xác nhận của Công an xã Ngọc Chánh thì có tiếp nhận đơn của bà T1 liên quan đến việc ông T có hành vi chửi, xúc phạm danh dự đối với bà nên yêu cầu cơ quan Công an xã mời ông Trần Văn T để giáo dục; qua làm việc, ông T thừa nhận thiếu sót và cam kết không tái phạm; theo bà T1 xác định nguyên nhân ông T xúc phạm, ngược đãi đối với bà là do khi ông T yêu cầu bà ký đơn ly hôn nhưng bà không đồng ý. Lời trình bày này phù hợp với xác nhận của Công an xã Ngọc Chánh là đã tiếp nhận đơn của bà T1 vào ngày 08/6/2024 đến ngày 12/06/2024 thì ông T nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án và diễn biến tại phiên tòa thể hiện nguyên nhân khởi kiện yêu cầu ly hôn xuất phát từ phía ông T, mâu thuẫn của các đương sự không lớn, có thể khắc phục được; các mâu thuẫn này chưa làm cho hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được; gia đình, người thân của ông T cũng không ủng hộ việc ông T xin ly hôn với bà T1; trong khi đó, bà T1 sẵn sàng tha thứ để cho ông T khắc phục, có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng 03 người cháu ngoại để chị Trần Kiều G (mẹ của các cháu) có điều kiện làm ăn ổn định tại Campuchia. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu phân chia tài sản, các chủ nợ không khởi kiện yêu cầu độc lập nên không đặt ra xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 12 và 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T được miễn án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 12 và 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn T với bà Nguyễn Thu T1.
2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Miễn cho ông Trần Văn T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**